

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2018/HC-PT

Ngày 16/8/2018

V/v “Khiếu kiện quyết định cưỡng chế
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Nguyễn Xuân Điền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Phước Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 16 Tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 184/2018/TLPT-HC ngày 09/7/2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định cưỡng chế trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2018 QĐ-PT ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Xuân T2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình (văn bản ủy quyền ngày 06/02/2018) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T:

Ông Hoàng Xuân H - Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình.

3.2. Bà Nguyễn Thị M; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (đã chết năm 2016).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

4.2. Ông Lê Văn T3; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

4.3. Bà Trần Thị S; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

4.4. Bà Lê Thị B; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt không lý do.

4.5. Ông Cao Ngọc B1; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

4.6. Ông Trần Văn C; Địa chỉ: Tiểu khu T1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2018 và bản tự khai người khởi kiện ông Đinh Văn N trình bày:

Năm 1980 gia đình ông khai hoang phục hóa và làm nhà ở trên lô đất đồi máy kéo lâm trường T với diện tích hơn 2000m² có cổng chính và đường đi vào nhà hiện nay ông đang sử dụng. Năm 1985 ông Trần Tiến L1 và vợ Nguyễn Thị L từ lâm trường chuyển qua xin ở trên lô đất trồng lúa của ông Lê Văn T3 và vợ Đinh Thị L2 cùng công nhân lâm trường T, do không có đường đi vào nhà nên gia đình ông đã cho đi tạm qua phần đất của gia đình mình. Năm 1986 cán bộ về đo đất vườn (bản đồ 299) vợ chồng ông đi làm vắng không ở nhà. Ông L1 lợi dụng con đường và cổng vào nhà ở của ông để dẫn đặc cho cán bộ đưa vào bản đồ 299 cắt đất vườn của ông ra chiếm đoạt lô đất giáp Quốc lộ 12A mà gia đình ông không hề hay biết. Năm 1990, gia đình ông làm nhà cấp 4, khi xây dựng ông dịch chuyển lên phía trước cách nhà cũ 10 mét, gia đình ông vẫn đi con đường và cổng vào nhà như hiện nay đang sử dụng. Năm 2003 lợi dụng lúc vợ chồng ông vắng nhà cán bộ địa chính đã đo đạc vẽ bản đồ 2003, ông Trần Tiến L1 đã tự ý dẫn đặc phần cổng và đường vào nhà ở của ông thành con đường giao thông rộng hơn 2,5m đi từ cổng nhà của ông cho đến hết diện tích đất của ông nhưng gia đình ông không biết. Sau khi ông Trần Đình T4 cán bộ địa chính

đưa ra 02 bản đồ 299 và 2003 ông thấy sai lệch không đúng thực tế hiện trạng thửa đất ông đã khai hoang phục hóa sử dụng từ năm 1980 đến nay. Ông đã làm tờ trình có xác nhận của Trưởng, phó Giám đốc lâm trường nghỉ hưu và một số người cao tuổi, các Trưởng, phó thôn qua các thời kỳ đều xác nhận không có con đường giao thông nói trên và từ trước tới nay cũng không có ai quy hoạch con đường giao thông đi qua diện tích đất của gia đình ông. Cán bộ địa chính thị trấn Đ đã căn cứ vào đơn khiếu nại của bà L, ông Trần Đình T4 và bản đồ địa chính, rồi lập biên bản vi phạm hành chính cho rằng ông lấn chiếm 155m² đất đường giao thông, đồng thời tham mưu cho Chủ tịch ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện T ký quyết định số 585/QĐ - CT ngày 18/3/2013 xử phạt hành chính 6.000.000 đồng và niêm yết tại thôn. Ông đã làm đơn khiếu nại gửi Bí thư, Chủ tịch và ban ngành cấp huyện xem xét, huyện chuyển đơn về giao Chủ tịch UBND thị trấn Đ xem xét. Tại Quyết định số 102 ngày 03/6/2013 trong bản đồ 299 con đường và cổng vào nhà ở của ông vẫn là đường giao thông diện tích 176m², ông đề nghị làm rõ con đường vào nhà ở của ông trước khi bà L qua ở nhưng UBND thị trấn Đ không giải quyết. Ông tiếp tục làm đơn gửi Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, các ban ngành cấp tỉnh, sau đó UBND huyện T đã thành lập đoàn thanh tra về làm việc, tuy nhiên ông cho rằng nội dung trong Quyết định số 2536/QĐ-CT ngày 04/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện T hoàn toàn sai lệch, không đúng thực tế. Ông đề nghị xem xét lại diện tích đất hiện trạng của ông không thừa 176m² nhưng không được giải quyết. Vì vậy ông làm đơn khiếu nại lần 2 lên Bí thư tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Theo chỉ đạo ngày 11/9/2014 Đoàn thanh tra cùng cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, cán bộ địa chính thị trấn Đ về kiểm tra hiện trạng, dùng thước dây đo lại diện tích đã cấp theo thẻ đỏ của ông đang sử dụng là 1.161.1m², nhưng không lập biên bản. Ngày 18/11/2014 Đoàn phối hợp với trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Quảng Bình dựng lại bản đồ 2003, xác định hiện trạng đất đang sử dụng có bản đồ kèm theo và ra QĐ số 304 ngày 04/02/2015 do ông Trần Văn T5 - Phó chủ tịch UBND tỉnh ký và trả lời, đất hiện trạng của ông đang sử dụng từ năm 1980 đến nay đã cấp thẻ đỏ 1161,1m² thể hiện tọa độ trên bản đồ là A, B, C, D kể cả đường giao thông. Như vậy nếu cho rằng ông chiếm dụng đất con đường mà cường chế của ông 133m² thì đất của ông thiếu hụt so với diện tích được cấp là 133m². Theo bản đồ 2003 có hệ tọa độ 123456 thì ông còn thiếu 75,48m² đất vì theo tọa độ phải qua đất anh Nhường 50m², qua đất anh H1 25,48m². Như vậy bản đồ 2003 vẽ sai chứ không phải ông sử dụng sai mốc giới. Ngày 24/3/2016, UBND thị trấn Đ và các ban ngành vận động ông tự giác giải tỏa 93,5m² đất đường giao thông theo Quyết định 304, ông nhất trí và đề nghị đo đạc lại có biên bản. Ngày 22/8/2016 ông Hoàng Xuân H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cùng các phòng ban huyện về vận động ông giải tỏa 93,5m² ông yêu cầu cắm mốc và làm rõ 176m² đất đường giao thông mà huyện đã ký đúng hay sai vì đất ông còn thiếu trong thẻ đỏ. Ngày 09/8/2016 cán bộ tỉnh và huyện xuống cắm mốc

đo đạc để chỉnh lý hồ sơ, bản đồ và cho rằng ông lấn chiếm 133m² đất. Ngày 20/3/2017 ông nhận được thông báo số 18 cho rằng thông báo không đúng nên ông làm đơn khiếu nại đến thường vụ huyện ủy, thường trực HĐND huyện. Ông cho rằng chỉ với một lá đơn của bà Nguyễn Thị L khiếu nại ông đã có tới 06 bản đồ vẽ đường giao thông khác nhau về mốc giới và 03 quyết định và 01 biên bản diện tích trái ngược nhau, như vậy quyết định và bản đồ nào đúng, quyết định và bản đồ nào sai. Biên bản vi phạm hành chính ngày 19/3/2013 cho rằng ông lấn chiếm 155m² sao lại cưỡng chế 133m². Như vậy cưỡng chế ông vi phạm ở biên bản vi phạm hành chính nào. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy Quyết định cưỡng chế số 10/QĐ-CCXP ngày 03/01/2018 do ông Lê Nam G - Chủ tịch UBND huyện T ký.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 ông Đinh Văn N có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị L và những người làm chứng Lê Văn T3, Trần Thị S, Lê Thị B, Cao Ngọc B1 và Trần Văn C tham gia phiên tòa; yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và yêu cầu giám định chữ ký của các hộ sử dụng đất tiếp giáp tại biên bản xác nhận ranh giới thửa đất ngày 07/4/2002.

Tại bản trình bày, phiên đối thoại và tại phiên tòa ông Cao Xuân T2 đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T và UBND huyện T, trình bày: Việc ban hành Quyết định cưỡng chế số 10/QĐ-CCXP ngày 03/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T đối với ông Đinh Văn N được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sự nghiêm minh khi xử lý vi phạm luật về đất đai. Bởi vì tồn tại đường giao thông dọc theo ranh giới sử dụng đất về phía Tây Nam (đường giao thông ông N lấn chiếm) đất ở của ông N, điều này được thể hiện ở hồ sơ địa chính và ý kiến của nhân dân tiểu khu T1 chuyển nhượng đất đai giữa ông Đinh Văn N và ông Phan Thanh H1, bà Võ Thị L3 năm 2000 do chính tay ông Đinh Văn N vẽ và ký xác nhận đã thể hiện có đường giao thông nói trên. Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của ông N, Đoàn thanh tra huyện và tỉnh đã giải thích, cung cấp các hồ sơ giấy tờ chứng minh sự tồn tại của con đường nhưng ông N vẫn không thống nhất. Kết quả phục dựng mốc giới của các lần đo đạc đã thể hiện ông N không sử dụng đúng ranh giới của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Diện tích phục dựng đúng theo diện tích của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyết định số 10/QĐ- CCXP ngày 03/01/2018 được ban hành dựa trên hồ sơ xử lý vi phạm hành chính và các quy định của pháp luật về cưỡng chế trong lĩnh vực đất đai và hồ sơ cưỡng chế được thiết lập theo đúng quy định,.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các nội dung yêu cầu tại đơn đề ngày 07/5/2018 và yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 585/QĐ-CT ngày 28/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện T, người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm, giữa các bên đương sự không thống nhất được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 38, Điều 58, Điều 66, Điều 68, Điều 74, Điều 86 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N về yêu cầu hủy Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 03 tháng 01 năm 2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình đối với ông Đinh Văn N.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn N về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 585/QĐ - CT ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T; thẩm định tại chỗ diện tích đất ông đang sử dụng và giám định 03 chữ ký của các hộ sử dụng đất liên kề trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn N.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Ủy ban nhân dân huyện T xem xét theo thông quyền đối với 133 m² đường giao thông N thôn đi qua diện tích đất của gia đình ông Đinh Văn N thửa số 11 tờ bản đồ số 44 bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện T tỉnh Quảng Bình.

Ngày 10/06/2018, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Sau khi nhận thông báo thụ lý số 184/2018/TLPT/HC của Tòa án Cấp cao Tại Đà Nẵng; Ngày 24 tháng 7 năm 2018 ông bổ sung kháng cáo với nội dung: không kháng cáo toàn bộ bản án mà chỉ kháng cáo điểm 01 và điểm 02 trong phần quyết định của bản án số 08 /2018 HC/ST, Ngày 16/6/2018 Ông tiếp tục khiếu nại; Đề nghị tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng tuyên hủy quy định số 175/ 2018 QĐ-TA Quyết định sửa chữa bổ sung bản án ngày 07 tháng 6 năm 2018.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và đề nghị xem xét tính hợp pháp của phần kiến nghị trong bản án, vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án .

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra Tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện những chứng cứ ý kiến người khác kiện người bị kiện và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Đinh Văn N ngày 10/06/2018, yêu cầu hủy

Quyết định số 10/QĐ- CCXP ngày 03/01/2018 trong thời hạn luật định theo Điều 213 Luật Tổ tụng Hành Chính (viết tắt LTTHC). Ngày 24 tháng 7 năm 2018 ông N bổ sung đơn, chỉ kháng cáo điểm 01 và điểm 02 của bản án sơ thẩm số 08/2018/HC-ST; Ngày 24 tháng 7 năm 2018 Ông tiếp tục khiếu nại đề nghị hủy quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 175/ 2018 QĐ-TA. Xét thấy, việc kháng cáo bổ sung ngày 24 tháng 7 năm 2018 và đơn khiếu nại ngày ngày 24 tháng 7 năm 2018 thực chất là kháng cáo bản án sơ thẩm không vượt quá thẩm quyền, nên cấp Phúc thẩm sẽ xem xét các vấn đề trên, liên quan đến nội dung kháng cáo theo qui định tại khoản 2 Điều 218 và Điều 220 LTTHC.

[2] Về nội dung: Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 585/QĐ-CT ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T và yêu cầu thẩm định tại chỗ diện tích đất ông đang sử dụng và giám định 03 chữ ký của các hộ sử dụng đất liền kề trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn N thì thấy: Năm 1980, gia đình ông Đinh Văn N đã khai hoang phục hóa và làm nhà ở tại vùng đồi máy kéo thuộc lâm trường huyện T. Năm 2003, gia đình ông được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.161,1m² tại thửa số 11, tờ bản đồ số 44 thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Theo bản đồ giải thửa 299 đo đạc năm 1982 được chỉnh lý năm 1986; Bản đồ địa chính thị trấn Đ năm 2002 và bản đồ hiện trạng năm 2010 cũng như bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đều xác định, phía Nam phần đất gia đình ông N, bà M có đường giao thông chạy dọc theo thửa đất gia đình ông N đang sử dụng về phía Tây Nam (BL 160). Hơn nữa, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 20 tháng 8 năm 2003 của Phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện T lập để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Văn N bà Nguyễn Thị M thể hiện, phía Nam phần đất gia đình ông N, bà M có đường giao thông chạy dọc theo thửa đất. Như vậy, đường giao thông đi dọc ranh giới giữa đất hộ ông N về phía Tây Nam là đường giao thông đã hình thành từ năm 1982 và chỉnh lý năm 1986 cho đến nay, vẫn được xác định trong bản đồ hiện trạng là đường giao thông công cộng thuộc quyền quản lý của nhà nước. Việc ông N tự ý xây dựng tường rào cổng ngõ, trồng cây lấn chiếm đường giao thông công cộng, sử dụng đất không đúng ranh giới được cấp là trái phép.

Vì vậy, ngày 19 tháng 3 năm 2013, UBND thị trấn Đ lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 21/BB-VPHC đối với gia đình ông và Chủ tịch UBND thị trấn Đ ban hành Quyết định số 54/QĐ-CT về việc đình chỉ thi công buộc tháo dỡ công trình xây dựng, vận chuyển vật liệu, cây trồng trên đất đường giao thông trả lại mặt bằng hiện trạng ban đầu là có căn cứ. Ngày 28 tháng 3 năm 2013 Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 585/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng thẩm quyền. Không nhất trí với việc giải quyết của UBND thị trấn Đ, ông Đinh Văn N đã khiếu nại đến UBND huyện T. Tại Quyết

định giải quyết khiếu nại số 2536/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T đã không công nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 176m² của con đường giao thông đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Đinh Văn N. Không nhất trí việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T, ông N đã khiếu nại đến UBND tỉnh Quảng Bình; Tại Quyết định số 304/QĐ - UBND ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại lần II *“không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đinh Văn N đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2536/QĐ - UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T. Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2536/QĐ – UBND ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T...”*

Sau khi nhận được Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình, ông N không thực hiện quyền khởi kiện quyết định trên ra Tòa án bằng vụ án hành chính là mặc nhiên thừa nhận tính hợp pháp của QĐ-304. Nay thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết nên Quyết định số 304/QĐ - UBND ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình có hiệu lực thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, bác yêu cầu là có căn cứ.

[2.1] Riêng việc yêu cầu thẩm định tại chỗ diện tích đất ông đang sử dụng và giám định 03 chữ ký của các hộ sử dụng đất liền kề, trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có ý nghĩa hay giá trị chứng minh để thay đổi bản chất vụ án vì thực tế, Ông đã xây dựng trên diện tích đất đường giao thông, theo các tài liệu do cơ quan chuyên môn cung cấp đã được phân tích đánh giá ở phần [1] thì thấy; Đường giao thông đi dọc ranh giới đất hộ ông N về phía Tây Nam đã hình thành từ năm 1982, chính lý năm 1986 cho đến nay vẫn được xác định trong bản đồ hiện trạng là đường giao thông thuộc quyền quản lý của nhà nước. Diện tích ghi trong giấy chứng nhận ông N không có sơ đồ phần diện tích đất đường giao thông. Mặt khác tại hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M, gia đình ông H1, bà L3 do ông N tự vẽ sơ đồ ký tên thể hiện, có đường giao thông chạy dọc theo thửa đất gia đình ông đang sử dụng (BL 121, 134) và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ông cũng đã thừa nhận nội dung này (BL 244,245).

[3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định này là để bảo đảm thi hành Quyết định số 585/QĐ-CT ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung của Quyết định này được thực hiện theo đúng quy định của Luật Xử phạt vi phạm hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định này là đúng pháp luật. Ông Đinh Văn N kháng

cáo yêu cầu hủy Quyết định này nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy; Đối với yêu kháng cáo (xem xét) hủy điểm 1 và điểm 2 trong phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, do ông Đinh Văn N kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu này là khách quan.

[4] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 175/2018/QĐ-TA ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc sửa chữa, bổ sung bản án: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa nội dung phần kiến nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và Ủy ban nhân dân huyện T vào Bản án sơ thẩm là không đúng quy định tại Điều 193 và Điều 194 của LTTH và vượt quá yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Văn N, sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với nội dung kiến nghị *“Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Ủy ban nhân dân huyện T xem xét theo thẩm quyền đối với 133m2 đất đường giao thông đi qua diện tích đất của gia đình ông Đinh Văn N tại thửa số 11, tờ bản đồ số 44 bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện T tỉnh Quảng Bình”*. Do phần kiến nghị của Bản án sơ thẩm đã bị hủy bỏ nên Quyết định số 175/2018/QĐ-TA ngày 07/6/ 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không còn hiệu lực .

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh Văn N là thương binh nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

[6] Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên Ông Đinh Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2018/HC-ST ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Hủy phần (3) kiến nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Ủy ban nhân dân huyện T xem xét theo thẩm quyền đối với 133m2 đất đường giao thông đi qua diện tích đất của gia đình ông Đinh Văn N tại thửa số 11, tờ bản đồ số 44 bản đồ địa chính thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình và Quyết định số 175/2018/QĐ-TA ngày 07/6/ 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không còn hiệu lực.

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 38, Điều 58, Điều 66, Điều 68, Điều 74, Điều 86 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; điểm

đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N về yêu cầu hủy Quyết định số 10/QĐ-CCXP ngày 03 tháng 01 năm 2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình đối với ông Đinh Văn N.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn N về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 585/QĐ-CT ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch UBND huyện T; thẩm định tại chỗ diện tích đất ông đang sử dụng và giám định 03 chữ ký của các hộ sử dụng đất liền kề trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn N.

3. Về án phí:

Án phí: Án phí sơ thẩm ông N được miễn do thương binh. Do chấp nhận một phần kháng cáo nên Ông Đinh Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Đinh Văn N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004978 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tồn